

Số: 375/QĐ-DVN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 4 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định kiểm tra an toàn tàu/sàlan
trước khi vận tải xăng dầu cho Tổng công ty Dầu Việt Nam

TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 1250/QĐ-DKVN ngày 06/6/2008 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc thành lập Công ty mẹ - Tổng công ty Dầu Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1251/QĐ-DKVN ngày 06/6/2008 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt và ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Dầu Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Quyết định số 175/QĐ-DVN ngày 28/2/2014 của Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu Việt Nam về việc ban hành “Quy chế quản lý an toàn của Tổng công ty Dầu Việt Nam”;

Xét đề nghị của Trưởng ban An toàn - Chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định kiểm tra an toàn tàu/sàlan trước khi vận tải xăng dầu cho Tổng công ty Dầu Việt Nam”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 141/QĐ-DVN ngày 13/02/2015.

Điều 3. Các Phó Tổng Giám đốc, Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban/Đơn vị trực thuộc và Người đại diện của Tổng công ty tại các đơn vị thành viên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HĐTV (để b/c);
- KSV (để biết);
- Lưu: VT, ATCL, HQC (2b).

TỔNG GIÁM ĐỐC 



Cao Hoài Dương

QUY ĐỊNH

Kiểm tra an toàn tàu/sà lan trước khi vận tải xăng dầu cho Tổng công ty Dầu Việt Nam

(Ban hành kèm theo Quyết định số 375 /QĐ-DVN ngày 17 / 4 /2017 của
Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu Việt Nam)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về công tác Kiểm tra an toàn tàu/sà lan trước khi tham gia vận chuyển hàng vào các kho cảng của Tổng công ty Dầu Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các tàu/sà lan do Tổng công ty sở hữu hoặc thuê để vận chuyển hàng xăng dầu trong hệ thống kho cảng của Tổng công ty Dầu Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Vetting: Thanh kiểm tra an toàn tàu/sà lan từ xa do Đơn vị có chức năng thực hiện (như PVMR của PVN, SHELL, BP, EXXON-MOBIL, CHEVRON, TOTAL, TESORO, ENOC, PTT, LUK OIL, PETRONAS, BHP...).

2. Tổng công ty: Tổng công ty Dầu Việt Nam (PV OIL).

3. Đơn vị: Đơn vị trực thuộc và Đơn vị thành viên Tổng công ty.

4. Đơn vị trực thuộc: Các Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Địa điểm kinh doanh và Ban quản lý dự án của Tổng công ty.

5. Đơn vị thành viên: Công ty mà Tổng công ty có cổ phần hoặc vốn góp chi phối.

6. Phương tiện thủy: Các cấu trúc nổi di động, có động cơ, chuyên dùng hoạt động trên biển hoặc các vùng nước thủy nội địa (bao gồm tàu biển và sà lan sông, biển).

7. SIRE: Ship Inspection Report – Báo cáo Vetting tàu.

8. VIQ: Vessel Inspection Questionnaires – Bộ câu hỏi thanh kiểm tra tàu.

9. BIQ: Barge Inspection Questionnaires – Bộ câu hỏi thanh kiểm tra sà lan.
10. Terminal Inspection: Công tác kiểm tra an toàn tàu được thực hiện tại cầu cảng trong trường hợp tàu chưa Vetting hoặc các khiếm khuyết trong Báo cáo Vetting gần nhất chưa được khắc phục.
11. DWT: Trọng tải tổng cộng gồm toàn bộ hàng hóa, thủy thủ đoàn, hành khách, nước ngọt...trên tàu.
12. ATCL: An toàn – Chất lượng.
13. KDSPD: Kinh doanh sản phẩm dầu.
14. BDATHH: Bảo đảm An toàn Hàng hải.
15. P&I: Protection and Indemnity (Bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ tàu).
16. Đơn vị vận tải: bao gồm chủ phương tiện, chủ tàu/sà lan, người khai thác tàu/sà lan hoặc người thuê tàu/sà lan (PV Trans, PV OIL Trans,...).
17. Đơn vị kho cảng: bao gồm Đơn vị trực thuộc và Đơn vị thành viên có cầu cảng tiếp nhận tàu/sà lan vào làm hàng.

Điều 4. Các nguyên tắc cơ bản

Thực hiện kiểm tra an toàn là yêu cầu bắt buộc đối với tất cả các tàu/sà lan có trọng tải trên 300 DWT trước khi tham gia vận chuyển hàng vào các kho cảng của Tổng công ty.

Chương II KIỂM TRA BÁO CÁO VETTING

Điều 5. Kiểm tra báo cáo Vetting (SIRE)

1. Các tàu/sà lan trước khi được ký hợp đồng tham gia vận chuyển hàng cho Tổng công ty phải được thực hiện Vetting bởi Đơn vị có chức năng (như PVMR của PVN, SHELL, BP, EXXON-MOBIL, CHEVRON, TOTAL, TESORO, ENOC, PTT, LUK OIL, PETRONAS, BHP...).
2. Ngay sau khi thực hiện Vetting, chủ phương tiện có trách nhiệm lên kế hoạch khắc phục các khiếm khuyết (nếu có) được phát hiện trong Báo cáo Vetting không quá 14 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện Vetting.
3. Dựa vào kết quả khắc phục các khiếm khuyết và kết quả đánh giá mức độ an toàn của phương tiện, Ban ATCL xem xét việc chấp thuận hay từ chối phương tiện vào làm hàng tại kho cảng của Tổng công ty và có thông báo bằng công văn hoặc email.

0579
TỔNG
CÔNG
VIỆC
CÔNG
MỘT
T

4. Sau thời hạn 14 ngày như đã nêu ở trên, nếu chủ phương tiện không có hoặc không chứng minh được bất kỳ một hành động khắc phục nào các khiếm khuyết đã được nêu trong Báo cáo Vetting trước đó, Tổng công ty có quyền từ chối việc tiếp nhận phương tiện đó vào kho cảng của Tổng công ty cũng như tham gia vào việc vận chuyển hàng.

5. Trong những trường hợp bất khả kháng (tàu/sà lan vận chuyển theo lệnh điều động Tổng giám đốc Tổng công ty, điều kiện thời tiết xấu...), nếu phương tiện vào kho cảng hoặc tham gia vận tải chưa được làm Vetting thì chủ phương tiện phải thực hiện Bản cam kết thực hiện an toàn trước khi làm hàng DVN.TCT.ATCL.QĐ.02.BM.02.

a) Nếu trong quá trình làm hàng, phương tiện xảy ra sự cố làm ảnh hưởng, thiệt hại, tổn thất đến các hoạt động sản xuất của kho cảng, các trang thiết bị vận hành, các phương tiện hoạt động trong khu vực kho cảng...thì chủ phương tiện chưa được Vetting phải chịu hoàn toàn trách nhiệm bồi thường, khắc phục những tổn thất, thiệt hại do phương tiện đó gây ra.

b) Sau khi kết thúc giao nhận chuyển hàng trên, chủ phương tiện có nghĩa vụ phải thực hiện Vetting nếu muốn tiếp tục làm hàng tại kho cảng của Tổng công ty.

c) Nếu phương tiện không thực hiện các nội dung trong mục a, b trên, Tổng công ty có quyền từ chối phương tiện chuyên chở, vận tải đó vào làm hàng tại kho cảng của Tổng công ty trong vòng ít nhất 1 tháng kể từ ngày thông báo.

6. Trường hợp đặc biệt

Tổng công ty có thể xem xét chấp nhận cho phương tiện vào kho cảng làm hàng trong các trường hợp đặc biệt sau:

a) Hết hạn Vetting: Phương tiện chưa được Vetting lại nhưng chỉ vào làm hàng tại kho cảng của Tổng công ty một chuyến duy nhất (trong vòng 6 tháng gần nhất tính từ thời điểm phương tiện đó cập cảng);

b) Chưa kịp Vetting: Chủ phương tiện chứng minh được rằng đã cố gắng trong việc triển khai Vetting trước khi ký hợp đồng vận tải, tuy nhiên vì điều kiện thời gian quá ngắn nên việc thực hiện Vetting phương tiện không thể thực hiện như đã cam kết, chỉ áp dụng cho 01 chuyến hàng;

c) Đã thực hiện Vetting: Các phương tiện đã được Vetting, tuy nhiên việc khắc phục các khiếm khuyết (List of Observations) trong Báo cáo Vetting vẫn chưa được hoàn thành do các nguyên nhân hợp lý hoặc bất khả kháng;

d) Có bằng chứng chứng minh các nguy cơ hiện hữu được kiểm soát trong suốt quá trình làm hàng: đảm bảo an toàn cháy nổ, ô nhiễm môi trường và ứng phó tình huống khẩn cấp...

5054
ING
TY I
T NA
TY TI
HÀNH I
P HỒ

c) Những tàu có SIRE của các chủ dầu lớn đã nêu, bắt buộc phải được vetting thực tế theo chính sách của PVN trong khoảng thời gian:

- 12 tháng/01 lần kể từ ngày soát xét bản SIRE report đầu tiên đối với tàu lớn hơn 10 tuổi.

- 18 tháng/01 lần kể từ ngày soát xét bản SIRE report đầu tiên đối với tàu nhỏ hơn 10 tuổi.

4. Hiệu lực của kiểm tra SIRE sẽ tự động chấm dứt trong các trường hợp sau:

a) Thay đổi chủ tàu (tuy nhiên nếu tàu vẫn do Người quản lý cũ của tàu quản lý thì tàu có thể được xem xét tiếp tục chấp nhận);

b) Thay đổi Đăng kiểm tàu; Hội P&I; Người khai thác tàu; Người quản lý tàu; kết cấu quan trọng làm ảnh hưởng đến sự an toàn tàu;

c) Tàu bị cầm giữ của quốc gia có cảng; Báo cáo không phù hợp ảnh hưởng đến sự đáp ứng an toàn của tàu, các cảng biển; Các vụ kiện liên quan đến tình trạng tàu đang sử dụng;

d) Tàu bị tai nạn, sự cố liên quan hoặc ảnh hưởng trực tiếp/gián tiếp đến tình trạng khai thác hoặc phải lên đà sửa chữa bất thường (không nằm trong kế hoạch lên đà sửa chữa/bảo dưỡng định kỳ).

Điều 7. Vetting lại

Các tàu/sà lan sau khi thực hiện Vetting, nếu kết quả Vetting không đạt yêu cầu và không được chấp nhận, các phương tiện đó chỉ được Vetting lại ít nhất sau 30 ngày kể từ ngày bị từ chối.

Chương III TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của Đơn vị vận tải

1. Nghiêm túc tuân thủ thực hiện Quy định này.

2. Khi trả lời công văn thuê Phương tiện của Ban KDSPD - Tổng công ty cũng phải gửi cho Ban ATCL bằng công văn hoặc email để kiểm tra và xác nhận, đảm bảo an toàn trước khi Ban KDSPD làm lệnh điều động vận chuyển hàng.

Điều 9. Trách nhiệm của các chủ phương tiện vận tải

Đảm bảo tất cả các phương tiện phải có Báo cáo Vetting trước khi tham gia thực hiện vận chuyển hàng cho Tổng công ty

Điều 10. Trách nhiệm của các Đơn vị kho cảng

Theo dõi, giám sát hiệu lực Vetting và kiểm tra việc khắc phục các khiếm khuyết (nếu có) của các phương tiện thủy vào làm hàng.

Điều 11. Trách nhiệm của Tổng công ty

1. Yêu cầu các Ban/Đơn vị liên quan nghiêm túc thực hiện công tác Vetting và gửi kết quả Vetting, các biên bản đã khắc phục các khiếm khuyết về Ban ATCL sau mỗi lần kiểm tra.

2. Đánh giá kết quả báo cáo khắc phục của phương tiện thủy sau mỗi lần thực hiện Vetting. Nếu xét thấy các phương tiện không đáp ứng đủ các yếu tố về kỹ thuật và an toàn, Tổng công ty có quyền từ chối việc tiếp nhận các phương tiện đó.

3. Giám sát chặt chẽ các phương tiện trong việc thực hiện Vetting.

Chương IV CÔNG TÁC PHỐI HỢP, BÁO CÁO

Điều 12. Các Ban liên quan và Đơn vị vận tải

1. Ban KDSPD, Ban Dầu thô có trách nhiệm cung cấp cho Ban ATCL các tài liệu, hồ sơ kỹ thuật của các tàu/sà lan trước khi dự định tham gia vận chuyển hàng cho Tổng công ty.

2. Các Đơn vị vận tải có trách nhiệm gửi về Ban ATCL danh sách các tàu/sà lan dự kiến tham gia vận chuyển hàng cho PV OIL.

Điều 13. Các Đơn vị kho cảng

Vào ngày 10 của tháng, các Đơn vị kho cảng có trách nhiệm gửi báo cáo tổng hợp danh sách và tình trạng Vetting của các tàu/sà lan đã vào làm hàng về Ban ATCL theo Biểu mẫu Báo cáo thực trạng tàu/sà lan DVN.TCT.ATCL.QĐ.02.BM.01 của tháng trước đó.

Chương V THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 14. Thanh tra, kiểm tra

Tổng Giám đốc căn cứ vào tình hình thực tế, sẽ ra quyết định việc thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm phát sinh trong quá trình thực hiện Quy định này.

Điều 15. Xử lý vi phạm

Các Đơn vị, cá nhân vi phạm Quy định này tùy theo tính chất, mức độ vi

54
NG
TY I
NA
TY T
HÀNH
P H

phạm sẽ bị xử lý theo quy định của Tổng công ty, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và pháp luật Việt Nam.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Ban ATCL, Ban KDSPD, Ban Dầu thô, Đơn vị liên quan và Đơn vị vận tải chịu trách nhiệm tổ chức triển khai và thực hiện Quy định này.

2. Ban ATCL có trách nhiệm theo dõi và kiểm tra việc chấp hành Quy định này tại các Ban liên quan, Đơn vị trực thuộc và Người đại diện của Tổng công ty tại các Đơn vị thành viên.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu thấy cần thiết phải sửa đổi bổ sung cho phù hợp với thực tiễn và yêu cầu quản lý, các Ban/Đơn vị liên quan phản hồi bằng văn bản về Ban ATCL xem xét và trình Tổng Giám đốc Tổng công ty quyết định.

Điều 17. Điều khoản thi hành

Quy định này có 6 chương, 17 điều và có hiệu lực thi hành theo Quyết định ban hành. Các sửa đổi, bổ sung (nếu có) liên quan đến Quy định này chỉ có giá trị và hiệu lực thi hành khi được Tổng Giám đốc quyết định và ban hành./.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Hoài Dương

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM
ĐƠN VỊ:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2017

BÁO CÁO THỰC TRẠNG TÀU/SÀ LAN THÁNG NĂM

Kính gửi: Ban An toàn Chất lượng – Tổng công ty Dầu Việt Nam

STT	TÊN PHƯƠNG TIỆN	ĐƠN VỊ KHAI THÁC/THUÊ VẬN TẢI	DWT/NĂM ĐÓNG	NGÀY VETTING	THỜI HẠN VETTING	KIỂM TRA VIỆC KHÁC PHỤC CÁC LỖI TRONG BÁO CÁO VETTING	KIỂM TRA CÁC LỖI PHÁT SINH KHÁC KHI TÀU/SÀ LAN Ở CẢNG	GHI CHÚ
1	Hải Hà 88	Công ty vận tải đường biển Hải Hà	2920 DWT và đóng năm 2009	20/9/2016	6 tháng	Chưa khắc phục lỗi 2.3 ; 5.6 trong báo cáo Vetting ngày 20/9/2016	- Bình chữa cháy 35kg mất áp. - Không bố trí dây lai sự cố.	
2								
3								

Người lập báo cáo

Giám đốc

DVN.TCT.ATCL.QĐ.02.BM.01

1/2



Handwritten signature or mark.

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM (PV OIL)
ĐƠN VỊ:.....

CAM KẾT THỰC HIỆN AN TOÀN TRƯỚC KHI LÀM HÀNG

Có hàng

Không hàng

Hôm nay, vào hồi giờ phút, ngày..... tháng năm tại
chúng tôi gồm:

1. Đại diện phương tiện:

Ông:

Chức danh:

2. Đại diện đơn vị kho cảng:

• Ông: Chức vụ: Loading Master.

• Ông: Chức vụ: Marine Safety Officer.

Hai bên đã cùng nhau tiến hành thanh kiểm tra tàu/sà
lan.....và cùng xác nhận tình trạng của phương tiện thủy tồn tại
những khiếm khuyết như sau:

-

-

Sau khi kiểm tra, tàu/salan và kho cảng đã tăng cường công tác an toàn và có
biện pháp khắc phục những khiếm khuyết như sau:

-

-

Và hai bên cùng thống nhất cam kết: Nếu trong quá trình làm hàng xảy ra sự
cố gây ảnh hưởng, thiệt hại, tổn thất về con người, tài sản, hoạt động sản xuất kinh
doanh và các phương tiện hoạt động trong khu vực lân cận...thì chủ phương tiện sẽ
phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về những thiệt hại, tổn thất mà
phương tiện đó gây ra.

Biên bản này được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản.

Đại diện kho cảng
(Ký, ghi họ tên)

Đại diện phương tiện
(Ký, ghi họ tên)



DVN.ATCL.QĐ.02.BM.02

1/1